LUẬN TẠP A-TỲ-ĐÀM TÂM

QUYỂN 6

Phẩm 6: **TRÍ**

Đã nói về kiến lập bậc Hiền Thánh, nay sẽ nói về Trí.

Nếu tánh trí rõ được,
Soi sáng tất cả hữu
Có, không có Niết-bàn
Nay nói các tướng ấy.

Nếu: Nghĩa là nếu sự kia, Trí là nghĩa quyết định, rõ nghĩa là phân biệt. Soi sáng nghĩa là quán sát. Tất cả hữu là cùng cực mé ba cõi, đó là khổ tập đế. Hữu là tánh hữu. Có, không có nghĩa là có tận. Niết-bàn nghĩa là các phiền não diệt, đây là nói diệt đế. Trong các nghĩa kia cũng biểu thị tướng của đạo đế, nghĩa là tự tánh, tánh tự nhiên, nay nói là chỉ bày tự tánh.

Hỏi: Những gì là trí?

Đáp:

Ba trí do Phật nói
Giác bậc nhất trên hết
Pháp trí và tỷ trí
Và đẳng trí thế tục.

Ba trí này gồm thâu tất cả trí. Pháp trí: Hoặc cảnh giới trí là trí vô lậu của khổ, tập, diệt, đạo, thuộc cõi Dục. Vì trí này đầu tiên thọ pháp tướng nên nói là pháp trí. Tỷ trí nghĩa là hoặc trí cảnh giới, là trí vô lậu khổ, tập, diệt, đạo của cõi Sắc và Vô Sắc. Nếu pháp trí của hành này chuyển thì hành ấy chuyển theo. Tỷ trí này vì do tỷ loại trí, nên nói là tỷ trí. Đẳng trí là hoặc trí cảnh giới, là trí hữu lậu của tất cả pháp. Đẳng nghĩa là thọ nhiều số loại thế tục: nam, nữ, dài, ngắn, v.v... nên nói đẳng trí. (Đẳng nghĩa là mọi việc nhóm họp).

Khổ, tập và diệt, đạo

Hai trí từ đế sinh
Đó gọi khởi bốn trí
Mâu-ni tùy đế nói.

Pháp trí, tỷ trí này tùy đế chuyển, Đức Thế Tôn tùy theo âm thanh đế kia mà nói, cảnh giới khổ đế nói là khổ trí, còn cảnh giới tập, diệt, đạo thì nói là đạo trí.

Nếu trí quán tha tâm
Là nói theo ba này
Trí tận, trí vô sinh
Cảnh giới ở bốn môn.

Nếu trí quán tha tâm, là nói theo ba này, nghĩa là ba trí quán tha tâm, dùng phẩm pháp trí làm cảnh giới, để nói pháp trí, dùng phẩm tỷ trí làm cảnh giới, để nói về tỷ trí, dùng tâm, tâm pháp hữu lậu làm cảnh giới, nói là đẳng trí.

Trí tận, trí vô sinh, nghĩa là trí tận, trí vô sinh là hai trí, đó là pháp trí và tỷ trí. Cảnh giới tạo tác của trí kia rốt ráo quyết định chuyển là tận trí, không còn tạo tác nữa. Quyết định chuyển là trí vô sinh.

Hỏi: Cảnh giới của đế nào?

Đáp: Cảnh giới ở bốn môn, nghĩa là duyên bốn đế kia.

Hỏi: Nếu Đức Thế Tôn nói ba trí thì sao lại nói mười?

Đáp:

Đối trị và phương tiện
Tự tánh hành, hành duyên
Đã làm nhân nuôi lớn
Thế nên nói mười trí.

Vì bảy nhân duyên nên nói mười trí, nghĩa là đối trị và phương tiện, tự tánh hành, hành duyên, đã làm nhân trưởng dưỡng. Đối trị, nghĩa là pháp trí tỷ trí là trí vô lậu. Đối trị cõi Dục, nói là pháp trí, đối trị cõi Sắc, Vô Sắc nói là tỷ trí, pháp trí. Tuy đối trị cõi Sắc, Vô Sắc nhưng chẳng phải tất cả, cũng chẳng phải toàn chủng, cho nên không nói. Phương tiện nghĩa là trí tha tâm cũng trí tâm pháp, chỉ vì phương tiện mà muốn biết tâm kia. Tự tánh: Nghĩa là đẳng trí thường chấp lấy nhiều số tục, như trước đã nói.

Hành: Là khổ trí, tập trí, hai trí này hành duyên hoại không hư hoại, vì một duyên. Hai trí này chung một duyên, cho nên đối với duyên kia, hành vô thường chuyển, khổ trí này, cũng nói là vô thường. Vì trí do khổ tăng thêm rất nhiều sự nhàm chán nên gọi là khổ trí. Kế đó vì bất cộng, nên hành khổ hoàn toàn duyên hữu lậu. Hành vô thường là hoặc

duyên ba đế hữu lậu, hoặc duyên vô lậu, hữu lậu.

Hành không, vô ngã: Nghĩa là hoặc duyên tất cả pháp hữu lậu, hoặc duyên vô lậu hữu lậu. Cho nên khổ trí, hành khổ tạo ra bốn trường hợp:

1. Hoặc khổ trí không phải hành khổ, nghĩa là hành khổ trí, hành khác.

2. Hoặc hành khổ chẳng phải khổ trí, nghĩa là pháp tương ưng của khổ trí.

3. Hoặc khổ trí cũng là hành khổ, nghĩa là hành khổ trí, hành khổ.

4. Hoặc không phải khổ trí, cũng không phải hành khổ, nghĩa là hành khổ trí của các pháp hành tương ưng khác. Như hành, đã hành, sẽ hành cũng như thế. Như hành khổ, vô thường, không, vô ngã cũng như vậy.

Như khổ trí mười hai, cho đến đạo trí cũng như thế. Hành duyên nghĩa là các diệt trí, đạo trí. Vì trí kia duyên hành không hư hoại, cũng không bị hư hoại. Đã làm nghĩa là vì việc làm của tận trí đã thực hiện. Nhân trưởng dưỡng nghĩa là trí vô sinh, vì do tất cả trí vô lậu, vì trụ thân bất động.

Đã nói nhân duyên kiến lập mười trí. Nay sẽ nói phân biệt thiện v.v...

Chín trí chỉ nói thiện,
Một trí, ba phân biệt,
Một kiến, hai phi kiến
Ngoài ra có hai thứ.

Chín trí chỉ nói thiện: Nghĩa là trừ đẳng trí, còn chín trí khác nói là thiện, vì quả ái. Một trí ba phân biệt: Nghĩa là đẳng trí hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Một kiến nghĩa là trí tha tâm, là tánh phân biệt của kiến này.

Hai phi kiến: Là trí tận, trí vô sinh, vì không phải kiến, không phải tánh phân biệt. Ngoài ra có hai thứ, nghĩa là bảy trí khác, hoặc kiến, hoặc chẳng phải kiến, hoặc pháp trí, tỷ trí, trí khổ, tập, diệt, đạo, trí tận, trí vô sinh, trí nào không lệ thuộc là kiến, lệ thuộc thì chẳng phải kiến.

Đẳng trí là hoặc kiến, hoặc chẳng phải kiến, năm kiến như chánh kiến thế tục, kiến này vì nhanh chóng. Nghi, ái, sân, mạn, vô minh tương ưng với tuệ, chẳng phải kiến. Vì sao? Vì hai sử che lấp. Tuệ tương ưng với vô minh, tuy không có hai sử, một có thể che lấp tột độ, chẳng phải phiền não khác. Vì sao? Vì chẳng phải phương tiện quán sát. Tuệ

vô ký không ẩn mất chẳng phải kiến, vì không nhanh chóng.

Năm thức tương ưng với tuệ chẳng phải kiến, vì không phải tánh suy lường.

Học và vô học sáu
Hai trí nói vô học
Phi Học, Vô học một
Phải biết một, ba thứ.

Học và Vô học sáu: Nghĩa là pháp trí, tỷ trí, trí khổ, tập, diệt, đạo, hoặc Học, hoặc Vô Học. Nếu người Học thì sở đắc là Học, nếu người vô học thì sở đắc là vô Học. Hai trí nói vô học, nghĩa là trí tận, trí vô sinh là vô học, vì lìa phiền não trụ.

Phi học, phi vô học một, nghĩa là đẳng trí là phi học, phi vô học, vì hữu lậu. Phải biết một, ba thứ nghĩa là trí tha tâm hoặc Học, hoặc vô học, hoặc phi học phi vô học, hoặc chỉ dùng tâm, tâm pháp làm cảnh giới là học, hoặc chỉ lấy tâm, tâm pháp vô học làm cảnh giới là Vô học, hoặc chỉ dùng tâm, tâm pháp hữu lậu làm cảnh giới là phi học, phi vô học.

Tánh tám trí không đoạn
Hai trí, hai chủng nói
Hữu lậu, vô lậu một
Một thì nói hữu lậu.

Tánh tám trí không dứt, nghĩa là trừ trí tha tâm và đẳng trí, tám trí khác không dứt, vì ly cấu. Nói hai trí, hai chủng, nghĩa là trí tha tâm nếu hữu lậu là tu đạo dứt trừ, nếu vô lậu là đẳng trí không dứt trừ, nếu nhẫn đối trị là kiến đạo dứt trừ, nếu trí đối trị là tu đạo dứt trừ.

Hữu lậu, vô lậu một, nghĩa là trí tha tâm hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Dùng tâm, tâm pháp hữu lậu làm cảnh giới là hữu lậu, dùng tâm, tâm pháp vô lậu làm cảnh giới là vô lậu. Một thì nói hữu lậu, nghĩa là đẳng trí hoàn toàn hữu lậu, vì trú xứ của phiền não. Phải biết tám trí không dứt, nói là vô lậu.

Bốn trí duyên hữu vi
Duyên hữu thường thì một
Hai cảnh giới năm trí
Do bậc Minh trí nói.

Bốn trí duyên hữu vi: Nghĩa là trí tha tâm, khổ, tập, đạo trí duyên hữu vi, vì lấy ấm làm cảnh giới. Duyên hữu thường thì một, nghĩa là diệt trí duyên vô vi, vì dùng Niết-bàn làm cảnh giới. Hai cảnh giới năm trí, nghĩa là pháp trí, tỷ trí, trí tận, trí vô sinh, lấy ba đế làm cảnh giới là

duyên hữu vi, lấy diệt đế làm cảnh giới là duyên vô vi. Đẳng trí cũng lấy ba đế làm cảnh giới là duyên hữu vi. Dùng thường diệt và hư không làm cảnh giới là duyên vô vi.

Pháp trí cần phải biết
Là từ sáu địa khởi
Tỷ trí thì chín địa
Trí tha tâm ở thiền.

Pháp trí cần phải biết, là từ sáu địa khởi: nghĩa là sáu địa của pháp trí có thể đạt được, vì là tự tánh đắc. Nghĩa là Tứ thiền, vị lai, trung gian chẳng phải Vô Sắc, vì Vô Sắc không duyên cõi Dục. Tỷ trí thì chín địa, nghĩa là tỷ trí chín địa có thể được, đó là vị lai, trung gian, bốn thiền và ba Vô Sắc. Trí tha tâm ở thiền, nghĩa là thiền căn bản có trí tha tâm là vì quả định của bốn chi, năm chi.

Đẳng trí cần phải biết
Ở tại mười một địa
Đó là các trí khác
Phẩm phẩm như trước nói.

Đẳng trí cần phải biết, ở tại mười một địa: nghĩa là đẳng trí ở mười một địa, đó là cõi Dục, vị lai, trung gian, bốn thiền, bốn Vô Sắc. Đó là các trí khác, phẩm phẩm như trước nói: nghĩa là trí khổ, tập, diệt, đạo, tận trí, trí vô sinh. Hoặc phẩm pháp trí ở sáu địa như pháp trí, hoặc phẩm tỷ trí ở chín địa như tỷ trí.

Nếu nói các niệm xứ
Một trí phải biết sau
Ba thì nói một trí
Bốn kia, minh trí nói.

Nếu nói các niệm xứ, một trí phải biết sau: Nghĩa là diệt trí là pháp niệm xứ, vì duyên vô vi. Ba thì nói một trí, nghĩa là trí tha tâm, vì duyên tha tâm, tâm pháp, là ba niệm xứ, trừ thân niệm xứ. Bốn còn lại, bậc minh trí nói, nghĩa là tám trí còn lại là bốn niệm xứ, vì duyên năm ấm.

Một trí cõi Dục nương
Hai cõi nương có một
Hai trí ba cõi nương
Sáu kia, một hoặc ba.

Một trí cõi Dục nương: Nghĩa là pháp trí chỉ cõi Dục nương, vì pháp trí tùy sinh, hoặc vì bốn đại tạo cõi Dục. Hai cõi nương có một, nghĩa là trí tha tâm có cõi Dục, cõi Sắc nương vì nương vào sắc.

Hai trí ba cõi nương, nghĩa là tỷ trí, đẳng trí ba cõi nương. Sáu kia, một hoặc ba, nghĩa sáu trí như khổ trí, v.v..., hoặc phẩm Pháp trí cõi Dục nương, phẩm tỷ trí ba cõi nương. (Nương là tên khác của thân).

Danh thì mười sáu hành
Sự, hoặc nói mười sáu
Lìa khỏi mười sáu hành
Trừ ám phi vô lậu.

Danh thì mười sáu hành, đó là vô thường, khổ, không, phi ngã, nhân, tập, hữu, duyên, diệt, chỉ, diệu, đạo, xuất, chánh, tích, thừa, vì nắm giữ các duyên, vì vô thường, ép ngặt nên khổ, vì đối trị kiến của ngã sở nên không, vì đối trị với ngã kiến nên phi ngã, vì pháp của hạt giống nên là nhân, vì đẳng khởi nên là tập, vì nối tiếp nhau nên hữu, vì tướng thành thục nên là duyên, vì các ấm tận nên là diệt, vì ba đại dừng nghỉ nên là chỉ, vì lìa não bên trong nên là diệu, vì lìa não ngoài nên là xuất, vì hướng đến nên là đạo, vì xảo tiện nên là chánh, vì cùng như vậy nên là tích và vì đạt tới rốt ráo nên là thừa.

Lại nữa, vì không phải rốt ráo nên vô thường, vì gánh vác nặng nên khổ, vì bên trong lìa người cho nên không, vì chẳng tự tại nên phi ngã, vì phương tiện đến nên nhân, vì phương tiện xuất sinh nên tập, vì tăng trưởng nên là hữu, vì dựa vào nhau nên là duyên, vì không nối tiếp nhau, lìa tiếp nối nhau nên diệt, vì lìa ba tướng hữu vi nên chỉ, vì thiện vì thường nên là diệu, vì thôi dứt bậc nhất, vì đối trị lìa nẻo tà nên là đạo, vì đối trị với bất chánh nên là chánh, vì lên thành Niết-bàn nên là tích, vì đối trị tất cả hữu nên là Thừa.

Hỏi: Sự có bao nhiêu hành?

Đáp: Sự hoặc nói mười sáu, đây gọi là mười sáu hành. Có thuyết nói sự có bảy, đó là hành khổ, gọi là bốn. Sự cũng có bốn, vì đối trị với điên đảo. Tập hành gọi là bốn, sự có một. Diệt, đạo cũng như thế. Thuyết như thế, gọi là mười sáu sự, cũng là mười sáu thiện.

Hỏi: Lìa mười sáu hành, lại có tuệ vô lậu chăng?

Đáp: Lìa mười sáu hành, trừ bóng tối, chẳng phải vô lậu. Lìa mười sáu hành, không có tuệ vô lậu. Như khế kinh nói: "Sanh tử của ta đã hết". Đây cũng là hành sinh khổ v.v... đã hết. Như nói ta chặt gỗ, lấy gì để chặt, đó là búa chặt, ở đây cũng như thế.

Hỏi: Các trí này mỗi trí có bao nhiêu hành?

Đáp:

Hai trí mười sáu hành
Pháp trí và tỷ trí

Hành như thế hoặc phi
Đây gọi là đẳng trí.

Hai trí mười sáu hành, pháp trí và tỷ trí, nghĩa là như nói mười sáu hành, tất cả pháp trí, tỷ trí chuyển. Hành hoặc là phi như thế là nói Đẳng trí. Đẳng trí hành, mười sáu hành cũng chẳng phải mười sáu hành. Mười sáu hành là các căn thiện như noãn, v.v... mười sáu hành này và văn, tư, tuệ bất định khác, cũng là phi (không phải) nghĩa là như bệnh, như hành ung nhọt v.v..., đó gọi là phi.

Hỏi: Nếu đẳng trí là mười sáu hành thì vì sao không gọi là khổ trí cho đến đạo trí?

Đáp: Vì cảnh giới hư hoại, cảnh giới không hư hoại của hành vô lậu, vì duyên biệt đế. Cảnh giới hư hoại của hành hữu lậu, ba đế của hành vô thường, hữu lậu, hành của duyên không, phi ngã, là duyên tất cả pháp.

Bốn trí có bốn hành
Hành quyết định đã nói
Nếu trí biết tha tâm
Hành như thế hoặc phi.

Bốn trí có bốn hành, hành quyết định đã nói: Nghĩa là khổ trí có bốn hành, cho đến đạo trí cũng như thế. Nếu trí biết tha tâm, hành như thế hoặc phi, nghĩa là nếu trí tha tâm vô lậu là bốn hạnh của đạo thì trí hữu lậu chẳng phải là cảnh giới tự tướng.

Trí tận, trí vô sinh
Lìa hành không, vô ngã
Nói có mười bốn hành
Tức vì gần với đẳng.

Trí tận, trí vô sinh, lìa hành không vô ngã, nói có mười bốn hành: Nghĩa là mười bốn hành của trí tận, trí vô sinh, trừ hành không, vô ngã.

Hỏi: Vì sao chẳng phải hành không vô ngã?

Đáp: Nghĩa là vì gần với đẳng. Đệ nhất nghĩa của trí tận, trí vô sinh mà gần với đẳng. Đệ nhất nghĩa của hành không vô ngã, gần với đệ nhất.

Hỏi: Các hành kia là ai có thể làm, cũng là điều thực hành của người khác, hay vì những tánh nào?

Đáp:

Tuệ tức hành năng hành
Cũng là chỗ hành khác

Hữu y khác hai thứ
Không nương chỗ hành khác.

Là tuệ hành năng hành, cũng là chỗ hành khác, nghĩa là tự tánh của tuệ là hành, có thể ở trong phiền não ấy mà hành các hạnh như vô thường, v.v... Tuệ kia cũng là hành nơi chốn hành như vô thường, v.v...

Hữu y khác có hai thứ, nghĩa là trừ tuệ, pháp tương ưng khác cũng là chủ thể hành, vì có duyên, cũng là chỗ hành khác, vì đối tượng duyên khác, không phải hành vì chẳng phải tánh tuệ. Không nương chỗ hành là hoặc pháp bất tương ưng kia, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành là chỗ hành khác, vì không phải tánh của tuệ, không phải chủ thể hành, vì không có duyên. Đã nói kiến lập hành, nay sẽ nói kiến lập đắc.

Là sơ tâm vô lậu
Hoặc có thành tựu một
Hai hoặc thành tựu ba
Bốn thời đều tăng một.

Là sơ tâm vô lậu, hoặc có khi thành tựu một, nghĩa là tâm khổ pháp nhẫn ban đầu tương ưng, nếu chưa lìa dục thì thành tựu một đẳng trí, nếu lìa dục thì thành tựu trí tha tâm.

Hai hoặc thành tựu ba: Nghĩa là khổ pháp trí thứ hai tương ưng với tâm, nếu chưa lìa dục thì thành tựu ba trí: khổ trí, pháp trí, đẳng trí. Nếu đã lìa dục thì thành tựu trí tha tâm.

Bốn thời đều tăng một, nghĩa là ở vào bốn thời gian trên, mỗi lúc tăng khổ tỷ trí. Nếu chưa lìa dục thì thành tựu bốn trí: Pháp trí, tỷ trí, khổ trí, đẳng trí. Nếu lìa dục thì được trí tha tâm. Tập pháp trí tăng tập trí, diệt, pháp trí tăng thì diệt trí. Đạo pháp trí tăng đạo trí trong đạo trí nhẫn, không đắc trí, vì chẳng phải tánh trí.

Trí tập, diệt, đạo, tỷ trí không tăng trí vì do khổ tỷ trí mà được tên. Đã nói về thành tựu trí. Nay sẽ nói tu:

Nếu được tu về trí
Là kiến đạo bậc Thánh
Tức tu đương lai kia
Các nhẫn cũng như thế.

Nếu được tu về trí, là kiến đạo bậc Thánh, tức tu đương lai kia, nghĩa là các trí kiến đạo tu hiện tại, tức tu vị lai kia. Nghĩa là khổ pháp trí tu hiện tại, tu khổ, pháp trí tu ở vị lai, chẳng phải nhẫn, chẳng phải trí khác. Như thế cho đến đạo pháp trí, các nhẫn cũng như thế. Nghĩa là khổ pháp nhẫn tu hiện tại, tức tu vị lai kia, chẳng phải trí, chẳng phải nhẫn khác, tất cả nhẫn cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao kiến đạo chỉ tu tự phần, còn tu đạo thì tu tự phần và không phải tự phần chăng?

Đáp: Vì tu đạo kia đầu tiên đắc chủng tánh, còn kiến đạo thì mới thấy đế, nên chỉ tu phần mình, chẳng phải phần khác. Lại vì đạo không xen lẫn, vì nhanh chóng, vì đạo bất giác.

Ở trong ba tâm kia
Được tu về đẳng trí
Phải biết tâm sau cùng
Hoặc tu bảy hoặc sáu.

Ở trong ba tâm kia, được tu về đẳng trí, nghĩa là ba tâm vô gián đẳng biên của kiến đạo tu đẳng trí, đó là khổ, tập, diệt tỷ trí. Nếu dựa vào thiền vị lai, vượt lên Ly sinh, người đó tu kiến đạo của một địa, đẳng trí của hai địa, đó là thiền vị lai và cõi Dục. Nếu dựa vào Sơ thiền vượt lên ly sinh thì tu kiến đạo của hai địa, đẳng trí của ba địa, cho đến đệ Tứ thiền tu kiến đạo của sáu địa, đẳng trí của bảy địa.

Hỏi: Đạo tỷ trí biên vì sao không tu đẳng trí?

Đáp: Vì biên không có phần, vì tu đế vô gián đẳng biên, nên gọi vô gián đẳng biên. Không có khả năng tu tất cả đạo và bờ mé của Phật để biết tất cả khổ, tập, diệt.

Hơn nữa, trí thế tục đối với đế kia, vì đã từng là vô gián đẳng, vì tu kiến đạo quyến thuộc đẳng trí của vô gián đẳng biên là kiến đạo quyến thuộc kiến đạo, đạo tỷ trí là tu đạo. Sở dĩ cõi Vô Sắc không tu là vì không có kiến đạo.

Hỏi: Vì sao pháp trí không tu?

Đáp: Vì đế vô gián, không rốt ráo. Nếu tu thì lẽ ra nói là trong vô gián đẳng. Nếu người cõi Dục thì tánh bốn ấm, vì bất định. Nếu người cõi Sắc thì tánh năm ấm, vì là định (có định thì có sắc định, vì cộng sắc. Có sắc ấm là vì có năm ấm). Vì trí tăng nên nói tu đẳng trí.

Nếu khổ vô gián đẳng biên thì có bốn việc: Cõi Dục duyên khổ cõi Dục, cõi Sắc duyên khổ cõi Sắc, Vô Sắc, vô gián đẳng biên của tập, diệt cũng như thế. Pháp bất sinh này dựa vào Tùy tín hành, Tùy pháp hành. Tùy tín hành, Tùy pháp hành thành tựu mà không hiện ở trước.

Hoặc tu bảy hoặc sáu, phải biết tâm sau cùng, nghĩa là nếu lìa dục được đạo tỷ trí, tu bảy trí ở vị lai, trừ đẳng trí, trí tận, trí vô sinh. Nếu chưa lìa dục thì tu sáu trí, trừ trí tha tâm. Tu đạo đối trị đẳng trí của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, vì chẳng phải đối trị kia nên không tu.

Với tu đạo trên kia
Mười bảy tâm vô lậu

Phải biết tu ở bảy
Căn tăng ích hoặc sáu.

Với tu đạo trên kia, mười bảy tâm vô lậu, phải biết tu ở bảy, nghĩa là nếu chưa lìa sáu thứ dục, từ quả Tu-đà-hoàn, tiến lên chín đạo vô ngại, tám đạo giải thoát, tu bảy trí. Vì đạo này thuộc về thiền vị lai, không có trí tha tâm, trí tận, trí vô sinh, vì là vô học, nên không tu, còn bảy trí khác thì phải tu.

Nếu trí thế tục lìa dục, trí đó hiện tại tu một đẳng trí, vị lai tu bảy. Nếu người vô lậu, là bốn pháp trí, mỗi pháp trí tu hiện tại, vị lai bảy.

Căn tăng ích hoặc sáu, nghĩa là tín, giải thoát, cầu kiến đáo. Đạo vô ngại kia tu sáu trí, chẳng phải trí tha tâm, vì trái với đạo vô ngại, không phải đẳng trí, vì kiến đạo, không phải trí tận, trí vô sinh, vì vô học.

Nếu chưa lìa dục, đạo giải thoát cũng tu sáu trí này, nếu lìa dục, tu bảy trí, cho nên nói hoặc đạo thăng tiến được bất động, chín đạo vô ngại tu bảy trí, chứ không phải trí tha tâm, vì trái với đạo vô ngại, không phải đẳng trí, không phải đệ nhất hữu, vì đối trị. Không phải trí vô sinh, vì chưa đắc. Tám đạo giải thoát tu tám trí, cũng được trí tha tâm. Đạo giải thoát thứ chín tu mười trí, cho nên nói là "hoặc".

Lúc được quả Bất hoàn
Và lìa bảy địa trên,
Huân tu các thần thông
Giải thoát tu tập tám.

Được quả A-na-hàm, sẽ được thiền căn bản nên tu tám trí, trí trừ tận, trí vô sinh và bốn thiền ba Vô Sắc. Bảy địa này lúc lìa dục, chín đạo giải thoát tu tám trí. Nếu đạo thế tục khi lìa dục, đẳng trí hiện tại, tu vị lai tám. Nếu đạo vô lậu lìa dục, tu sáu trí, mỗi trí hiện tại, tu vị lai tám.

Sáu trí là khổ tỷ trí, tập, diệt đạo, tỷ trí và diệt, đạo pháp trí. Huân tu thiền một, đạo giải thoát hữu học tu tám trí, vô học tu mười trí. Thần túc, trí tha tâm, túc mạng đều một, đạo giải thoát cũng tu tám trí, vì thuộc về thiền căn bản.

Thiên nhãn, thiên nhĩ, đạo giải thoát vì vô ký nên không tu (ba thông trên lúc được và về sau, khi dụng, đều là đạo giải thoát. Đạo giải thoát đều là thần túc vì hàng phục chúng sinh. Hai thông khác vì chỗ thấy nhỏ, xa, vì nhãn, nhĩ là không cho nên vô ký).

Các đạo vô ngại này
Và diệt đệ nhất hữu

Tức tám giải thoát kia
Phải biết tu có bảy.

Đạo vô ngại bảy địa lìa dục và hai đạo vô ngoại của đối tu thiền, học năm đạo vô ngại của các thông (Bảy địa lìa dục và huân tu, dùng một đẳng trí, một trí vô lậu làm đạo vô ngại hai, vì hai niệm nên nói hai, vì năm thông đều có một đạo vô ngại, nên nói là năm). Tu bảy học trí, trừ trí tha tâm, vì trái với đạo vô ngại. Đệ nhất hữu lìa dục, tám đạo giải thoát tu bảy trí, trừ đẳng trí vì không phải đối trị.

Hữu thứ nhất lìa dục
Đạo vô ngại tu sáu
Thượng thừa cần phải biết
Tu tập ở địa dưới.

Hữu thứ nhất lìa dục, đạo vô ngại tu sáu: Nghĩa là hữu thứ nhất lìa dục, chín đạo vô ngại tu sáu trí, trừ trí tha tâm và đẳng trí, còn tất cả đạo phương tiện hữu lậu, vô lậu đều tu tám trí. Thượng thừa cần phải biết, tu tập ở địa dưới, nghĩa là nếu địa này lìa dục, tức là tu trí vô lậu của địa này và địa dưới, nghĩa là Sơ thiền lìa dục, tức là tu công đức của Sơ thiền và thiền vị lai. Như thế cho đến hữu thứ nhất lìa dục, tu công đức vô lậu của tất cả địa. Pháp đối trị trên gọi là Thượng thừa.

Trong sơ tâm Vô học
Tu ở tất cả địa
Tu tương tợ Vô học
Hoặc khổ, tập, tỷ trí.

Trong sơ tâm vô học, tu ở tất cả địa, nghĩa là tận trí ban đầu của Vô học, tâm tương ưng với tu công đức của chín địa.

Hỏi: Tu những thứ công đức vô học nào?

Đáp: Nghĩa là tu vô học tương tợ, nếu là người của thối pháp thì tu công đức hạ hạ của chín địa, cho đến tu công đức thượng thượng Như lai địa.

Hỏi: Sơ tâm vô học thuộc trí nào?

Đáp: Hoặc khổ, tập, tỷ trí, hoặc khổ tỷ trí, hoặc tập tỷ trí, vì sinh duyên. Nên nghĩ rằng: Sanh tử của ta đã hết. Bốn ấm của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ này, sinh ra duyên sau cùng đã hết, đã nói công đức vô lậu, nay sẽ nói hữu lậu.

Tận trí, tâm đều tu
Công đức thiện hữu lậu
Chín địa đến một địa
Thứ lớp tu cũng giảm.

Khi đắc quả A-la-hán, hoặc tu công đức thiện hữu lậu của chín địa, cho đến hoặc một địa.

Hỏi: Vì sao chín địa cho đến một địa?

Đáp:

Tức sinh ở cõi Dục
Tu hữu lậu chín địa
Nếu sinh hữu thứ nhất
Thì tu ở một địa
Nếu sinh ở cõi Dục
Được quả A-la-hán.

Chỗ tu căn thiện của chín địa đắc tận trí. Nếu sinh Sơ thiền thì tu tám địa, trừ cõi Dục. Như thế cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, tức là tu căn thiện của địa đó.

Hỏi: Vì sao ở xứ này tu căn thiện của ba cõi?

Đáp: Vì tất cả sự ràng buộc đều dứt hẳn. Như ba lần buộc, mở, như lực sĩ hàng phục phiền não, mọi người đều khen ngợi. Như vua lên ngôi quán đảnh giải thoát, tất cả đều dâng lên vật báu lạ. Trước kia tuy được công đức của địa dưới, nhưng vì phiền não của địa trên nên ánh sáng trí tuệ không sáng. Được quả A-la-hán, tất cả công đức tăng tu soi sáng, nghĩa tu sẽ nói rộng trong phẩm Trạch.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói kiến, trí, tuệ là một hay khác?

Đáp:

Các nhẫn thì phi trí
Tận, vô sinh, phi kiến
Tất cả Thánh tuệ khác
Phải biết ba thứ tánh.

Các nhẫn thì phi trí: nghĩa là tám vô gián đẳng là nhẫn, chẳng phải trí, vì không quyết định. Đối trị nghi của tự phẩm, vì mắc phải trói buộc, vì nghĩa quyết định là nghĩa trí.

Lại nữa, nhẫn nghĩa là hy vọng, cầu trí nghĩa là dứt hy vọng. Lại nữa, nhẫn là kiến, chẳng phải tánh trí. Tận, vô sinh chẳng phải kiến, nghĩa là tân trí, trí vô sinh chẳng phải kiến, vì dứt mong cầu, vì trung bình, và vì trái với sinh tử, tất cả Thánh tuệ khác, phải biết ba thứ tánh, nghĩa là trừ nhẫn và tận trí, trí vô sinh. Vì chủng tuệ khác có thể tìm cầu, nên là kiến trí quyết định.

Hỏi: Pháp nào đúng?

Đáp: Tám trí hữu học và đẳng kiến vô học.

Nếu trí hữu lậu thiện

Ở ý tức là kiến
Kiến phiền não là trí
Đây và khác nói tuệ.

Trí của ý địa thiện hữu lậu có thể tìm cầu, nên là kiến. Có thuyết nói không phải tất cả ý thức tương ưng với trí thiện hữu lậu là thấy tánh, nghĩa là vì từ chỗ khởi của thức thân bất tư lương cho nên chẳng phải kiến (năm thức thứ lớp sinh ý thức, đây chẳng phải kiến). Tâm lúc qua đời chẳng phải kiến vì yếu kém.

Vì khởi tâm tạo tác, chẳng phải kiến vì hướng đến ra ngoài, như vậy đáng gọi là sơ thuyết (hễ nói đúng lý gọi là như vậy). Phiền não kiến là trí: Nghĩa là nếu thấytự tánh, đó là thân kiến, v.v... vì từ tư lường sinh ra, nên nói là kiến, cũng nói là trí quyết định.

Đây và khác nói tuệ, nghĩa là thuyết này nói hoặc trí, hoặc kiến, và thuyết khác thì chưa nói, nghĩa là ý thức tương ưng với vô ký, ngoại trừ năm kiến, các ý địa khác nhiễm ô và tương ưng với tất cả năm thức. Phải biết tất cả đều là tuệ, nghĩa là thuyết kia chưa nói, nghĩa là nếu vô ký tuệ chẳng phải kiến, vì không nhanh nhẹn. Tuệ công xảo tuy nhanh chóng mà chẳng phải kiến vì gây trở ngại cho sự cầu sinh.

Nhiễm ô trước đã nói, tuệ tương ưng với năm thức chẳng phải kiến, vì không phân biệt, vì không nhanh chóng và vì một lần đi qua.

Hỏi: Mỗi mỗi trí có bao nhiêu trí duyên?

Đáp:

Pháp trí và tỷ trí
Quán sát ở chín trí
Nhân trí và quả trí
Cảnh giới ở hai trí.

Pháp trí và tỷ trí, quán sát ở chín trí: Nghĩa là pháp trí duyên chín trí, trừ tỷ trí. Tỷ trí cũng duyên chín trí, trừ pháp trí.

Hỏi: Vì sao không lần lượt duyên nhau?

Đáp: Vì cảnh giới dưới trên, pháp trí duyên dưới, còn tỷ trí thì duyên trên, cho nên không lần lượt duyên nhau. Như hai người cùng đứng, một người thì nhìn xuống, còn một người nhìn lên. Vì cách nhìn dưới đất và trên không khác nhau nên học không thấy mặt nhau. Nếu nói không tự duyên như không tự thấy mặt mình thì không đúng, vì nhìn liên tục. Nhân trí và quả trí, cảnh giới ở hai trí, nghĩa là khổ, tập trí duyên hữu lậu. Trí tha tâm, và đẳng trí thuộc về khổ, tập đế.

Đạo trí duyên chín trí
Trí giải thoát không duyên

Tất cả cảnh giới khác
Quyết định trí đã nói.

Đạo trí duyên chín trí: Nghĩa là đạo trí duyên chín trí, trừ đẳng trí, chín trí thuộc về duyên đạo đế. Trí giải thoát không duyên, nghĩa là diệt trí không duyên trí, duyên vô vi. Tất cả cảnh giới khác, quyết định trí đã nói, nghĩa là bốn trí còn lại: Trí tha tâm, đẳng trí, trí tận, trí vô sinh duyên mười trí.

Hỏi: Như trước đã nói nếu đối trị cõi Dục là pháp trí, tuy là đối trị với cõi Sắc, cõi Vô Sắc, không phải là tất cả, cũng chẳng phải hoàn toàn, vậy thì những pháp trí nào là đối trị cõi Sắc, Vô Sắc?

Đáp:

Là diệt và đạo kia
Chỗ hành của pháp trí
Là đối trị ba cõi
Chẳng tỷ trí cõi Dục.

Chỗ hành của diệt kia và đạo pháp trí là đối trị ba cõi: Nghĩa là có tu đạo diệt pháp trí và đạo pháp trí là đối trị với phiền não của ba cõi do tu đạo dứt trừ. Trí kia nhận thấy nhiều lỗi lầm ở cõi Dục, tư duy hành diệt và đối trị cõi Dục được lìa dục ba cõi.

Hỏi: Vì sao không phải là khổ, tập pháp trí?

Đáp: Vì dưới kém, trên hơn, quán yếu kém chẳng thể lìa dục ở chỗ vượt hơn. Diệt đạo đều thù thắng, cho nên quán diệt dục của ba cõi này.

Lại nữa, nếu duyên cõi Dục, lìa cõi Sắc, Vô Sắc thì đây là sự nhàm chán khác, không ưa thích khác, giải thoát khác, việc này không đúng.

Hỏi: Phải chăng tỷ trí lìa cõi Dục?

Đáp: Chẳng phải tỷ trí cõi Dục không có tỷ trí, đối trị cõi Dục, vì việc của mình chưa rốt ráo. Như vua dẹp oán thù ngay trong cõi nước của mình, sau đó mới chinh phục nước khác. Pháp trí cũng như thế. Không có tỷ trí trước diệt cõi Sắc, Vô Sắc, về sau diệt cõi Dục. Lại pháp trí là trí rất nhạy bén mà còn diệt bất thiện, huống chi là vô ký.

Hỏi: Thần thông có bao nhiêu tánh trí?

Đáp:

Thần túc, thiên nhãn, nhĩ
Là nói một đẳng trí
Hoặc sáu trí túc mạng
Năm, nói trí tha tâm.

Thần túc, thiên nhãn, nhĩ là nói một đẳng trí: nghĩa là một đẳng trí của thần túc, thiên nhãn, nhĩ. Trí Vô lậu không dùng hành này. Thần túc là các thứ thị hiện. Thiên nhĩ thông là tuệ tương ưng với thiên nhĩ thức. Sinh tử thông là tương ưng với tuệ của thiên nhãn thức. Thần túc thông (phẩm khác sẽ nói). Phương tiện của thiên nhĩ nhằm tư duy âm thanh lớn. Phương tiện đó càng tăng dần được thiên nhĩ thanh tịnh tạo thành do bốn đại của cõi Sắc, tùy theo tiếng xa gần tất cả đều nghe.

Phương tiện của thiên nhãn tư duy tướng sáng. Phương tiện đó tăng dần đối với mắt tròn khắp, được thiên nhãn thanh tịnh do bốn đại cõi Sắc, Vô Sắc tạo nên, ở nơi một phương thấy khắp mười phương, tất cả đều thấy nhưng chẳng phải cùng lúc.

Hoặc sáu trí túc mạng: Tôn giả Cù-sa nói sáu trí không phải trí tha tâm, vì duyên hiện tại, không phải diệt trí, vì duyên vô vi, không phải tận trí, trí vô sinh, vì chẳng phải kiến tánh. Thuyết A-tỳ-đàm nói một đẳng trí duyên danh tánh, v.v... của chúng sinh.

Phương tiện nghĩa là hoặc đối với thân mình, hoặc đối với thân khác. Phương tiện ở chỗ này tức là chỗ này rốt ráo, hoặc lại ở chỗ khác. Thanh văn, Duyên giác từ thân trước bắt đầu cho đến rốt ráo tùy thuộc vào điều mà họ muốn. Chỉ có Đức Như lai tùy ý tự tại, hoặc trước hoặc sau, tùy theo những gì thấy, nghe, đều hoàn toàn nhớ nghĩ.

Năm là nói trí tha tâm, nghĩa là năm trí biết tha tâm, nghĩa là pháp trí biết cảnh giới tự phần tâm, tâm pháp của phẩm tha pháp trí. Tỷ trí cũng như vậy. Đạo trí biết tâm, tâm pháp tha vô lậu khác. Pháp trí phẩm tâm, tâm pháp. Đẳng trí biết tâm, tâm pháp thế tục của người khác, là trí tha tâm có năm.

Phương tiện: Nghĩa là hoặc từ thân mình, hoặc từ tâm mình, chấp lấy tướng mạo kia. Với tướng như thế, thân có tâm tướng như thế, do phương tiện này mà căn thiện tăng dần, cho đến nhận biết tâm, tâm pháp của người. Đây gọi là thành tựu phương tiện về sắc, và từ tự thân khởi, đến khi thành tựu, không duyên sắc và tự tâm xa lìa hành duyên, biết căn độ, địa độ, nhân độ của trí tha tâm. Không biết căn độ, nghĩa là hạ không biết căn trung, thượng, cho đến địa thiền thứ tư, hạ biết hạ của địa dưới, vô lậu chẳng phải pháp khác. Hữu lậu, nghĩa là biết hữu lậu, không biết vô lậu. Địa độ nghĩa là Sơ thiền không biết Nhị thiền.

Nhân độ nghĩa là người hữu học không biết người Vô học. Thế nên tâm, tâm pháp của Phật chẳng phải tất cả cảnh giới của trí tha tâm, tất cả cảnh giới sự của trí tha tâm, cảnh giới của tự tướng, cảnh giới tâm, tâm pháp, cảnh giới hiện tại, cảnh giới tha tâm, trừ kiến đạo vì là tu đạo

đắc không, vô tướng, không tương ưng với trí tận và trí vô sinh, không thuộc về đạo lìa vô ngại.

Hỏi: Thế nào là thần thông như thuyết mà sinh là khác?

Đáp: Hoặc có thuyết nói như thuyết mà sinh. Như Đức Thế Tôn trước nói thần túc, cho nên sinh trước, cho đến đời sau, nói về trí sinh tử, cho nên sinh sau, Tôn giả Cù-sa nói chỗ cõi Dục khởi thần thông, như thuyết mà sinh, nếu ở cõi Sắc thì khác với đây. Người tu hành nghe nói trời cõi Sắc mà không thấy. Vì muốn thấy, nên khởi thiên nhãn. Vì thấy mà không thể đi qua, nên khởi thần túc. Qua mà vì không nghe nói nên khởi thiên nhĩ. Vì nghe mà không biết tâm làm sao đi qua, cho nên khởi trí tha tâm. Vì biết tha tâm mà không tự biết trước kia mình từ đâu đến nên khởi trí túc mạng. Nói như thế, nghĩa là thần thông không có thứ lớp chánh thọ, cũng không vượt qua chánh thọ, cũng không thuận với chánh thọ, cũng không nghịch với chánh thọ. Phải biết thần thông thuộc về đạo Giải thoát, chẳng phải đạo Vô ngại.

Hỏi: Lực, vô sở úy, mỗi pháp có bao nhiêu trí tánh?

Đáp:

Trí lực xứ, phi xứ
Và vô úy bậc nhất
Đây là mười trí Phật
Trong đó có sai khác.

Trí lực xứ, phi xứ và vô úy bậc nhất, đây là mười trí Phật, nghĩa là lực xứ, phi xứ và vô úy ban đầu. Cảnh giới của mười trí tánh này rộng khắp.

Hỏi: Lực, vô úy khác là trí tánh gì?

Đáp: Trong đó có sai khác, là sự sai khác của lực xứ, phi xứ, có lực khác, sự sai khác của vô úy đầu tiên có vô úy khác. Đức Thế Tôn quán người thọ giáo hóa vì hy vọng nên lập ra nhiều thứ.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn tự nói công đức?

Đáp: Vì người cầu Phật đạo, vì người tu tam-muội niệm Phật. Lại nữa, đối với đẳng giải thoát, vì hiện sai khác, vì ưa nói biện tài vô tận, không có đuối lý, không có thiếu sót, cho đến trong việc hàng phục voi say, vẫn có kẻ ngờ vực không biết là do sức của ai? Vì voi kia nên Phật biểu thị năng lực của mình.

Lại nữa, vì người thọ hóa, nên nói công đức thật, vì không quá lượng, vì lìa pháp chẳng phải đại nhân.

Nghiệp tịnh có quả ái
Quả bất tịnh không ái

Đây nói là thị xứ
Khác thì nói phi xứ
Cần phải biết như thế
Lực thị xứ, phi xứ.

Nghiệp tịnh có quả ái, nghiệp bất tịnh có quả không ái, đây nói là thị xứ, nghĩa là nhân quả quyết định của trí không chướng ngại kia, biết nhân quyết định đây là kia, đó là nghiệp tịnh có quả ái, nghiệp bất tịnh có quả không ái, cũng như nhân quả của hạt giống bên ngoài tùy theo loại.

Khác thì nói phi xứ: Nghĩa là trái với thị, gọi là phi xứ, cần phải biết như thế. Lực thị xứ, phi xư: Nghĩa là nghĩa đẳng khởi dung nạp, là nghĩa thị xứ. Trái với thị, gọi nghĩa phi xứ. Vì không phục, không khuất, không có gì hơn vì không lay động nên nói là lực.

Tự tánh mười trí kia
Ở nơi mười một địa
Quyết định nói Như lai
Là nương Diêm-phù-đề.

Tự tánh mười trí kia: nghĩa là như trước nói, vì cảnh giới rộng khắp. Tự tánh của mười trí duyên tất cả pháp là mười sáu hành, hoặc lìa hành. Bốn niệm xứ, ba chánh thọ tương ưng với ba căn.

Đối với mười một địa, nghĩa là cõi Dục, Tứ thiền, vị lai, trung gian, bốn Vô Sắc. Quyết định nói Như lai, nghĩa là kiến lập năng lực của Như lai, chẳng phải Thanh văn, Duyên giác, vì Đức Như lai dứt trừ hai thứ vô tri: nhiễm ô, không nhiễm ô. Thế nên trí Phật không bị phi trí khuất phục là vô học và phi học phi vô học, chẳng phải Thanh văn, Duyên giác hữu học, chỉ trừ nhiễm ô, không trừ bất nhiễm ô.

Như lai dứt trừ hai thứ nghi: Nghi sử xứ, nghi phi xứ. Là nương Diêm-phù-đề, nghĩa là thân của Diêm-phù-đề hiện ở trước, không phải ở nơi khác. Vì phương khác không có Phật ra đời. Người Diêm-phù-đề lợi căn, dễ giác ngộ. Thế nên Đức Phật xuất thế tại cõi Diêm-phù-đề, không phải cõi khác.

Lực thứ hai, tám trí,
Chuyển nghiệp nơi sự kia
Và pháp thọ phiền não
Ngoài ra như trước nói.

Lực thứ hai, tám trí nghĩa là tám trí của trí lực tự nghiệp, trừ diệt trí, đạo trí, vì duyên vô lậu, cho nên nói tám. Hành, hoặc lìa hành, tương ưng với không, vô nguyện.

Hỏi: Duyên nào?

Đáp: Chuyển nghiệp đối với sự kia và pháp thọ phiền não, sự kia nghĩa là nghiệp quả, nghiệp thân, miệng và tư là nghiệp. Pháp thọ: có bốn pháp thọ: pháp hữu, thọ vui hiện đời, vui đời sau. So sánh như thế, phiền não là nghiệp nhân. Ở đây chuyển, duyên theo đây mà khởi, ngoài ra như trước đã nói, nghĩa là ngoài ra, như nói của lực xứ, phi xứ.

Các thiền và bội xả
Chánh thọ Tam-ma-đề
Lực thứ ba, hồi chuyển
Chín trí, khác như trước.

Các thiền và bội xả, chánh thọ Tam-ma-đề, lực thứ ba, hồi chuyển: thiền là bốn thiền, bội xả là tám bội xả, chánh thọ là định Vô tưởng, định Diệt tận và bốn Vô Sắc. Tam-ma-đề nghĩa là không, vô tướng, vô nguyện.

Lực thứ ba nghĩa là đối với thiền này, bội xả chánh thọ trong Tam-ma-đề chuyển, duyên theo lực này mà khởi.

Hỏi: Tánh của lực này là gì?

Đáp: Là tánh chín trí trừ Diệt trí và bốn hành nơi tam-muội Vô tướng, vì duyên vô vi. Còn lại như trước: Nghĩa là ngoài ra như thuyết của trí lực tự nghiệp nói.

Các căn trên và dưới
Lực thứ tư hồi chuyển
Thứ năm nói giải lực
Thứ sáu duyên theo giới.

Các căn trên và dưới, trên là hơn, dưới là kém, căn là chủ, lực thứ tư: Nghĩa là các căn lực trên và dưới. Hồi chuyển nghĩa là duyên, đó là duyên ba đế, từ duyên căn phương tiện khởi, nên nói các căn, lực trên dưới như trí tha tâm. Thứ năm nói giải lực: Giải là dục, giải kia cũng có hai thứ: Có hơn, có kém, hơn là thiện, kém là ái dục. Lại nữa, dục đạo và đạo quả là hơn. Sinh tử dục thì kém, dục này cũng duyên ba đế. Vì từ phương tiện dục khởi, nên nói là lực dục.

Thứ sáu duyên theo giới, giới nghĩa là tự tánh. Có hai thứ như trước nói.

Đối với các đường kia
Lực thứ bảy hồi chuyển
Phải biết đã nói bốn
Còn lại như trước nói.

Đối với các đường kia, lực thứ bảy hồi chuyển: Thú là con đường, con đường kia cũng có các thứ: hướng địa ngục, cho đến Niết-bàn. Duyên đường kia và đầy đủ nên gọi lực của đường.

Phải biết đã nói bốn, còn lại như trước nói, nghĩa là đã nói lực căn, giải, giới, nẻo. Nhân duyên khác phải biết như thuyết thiền bội xả, chánh thọ tam-muội nói. Hoặc có thuyết nói đường trí lực là mười trí tánh.

Biết túc mạng hữu hành
Là nói lực thứ tám
Là thiền có phiền não
Còn lại như trước nói.

Biết túc mạng hữu hành là nói lực thứ tám: Nghĩa là lực túc mạng, có chốn thọ đời trước, hoặc hành, chỗ thọ, các thứ đều biết. Chốn hành kia là trung ấm. Chốn thọ nghĩa là bổn hữu, do bổn hữu có chỗ thọ, hoặc Sát-lợi, hoặc Bà-la-môn, sự so sánh như thế đều biết là lực túc mạng.

Nói một trí, nghĩa là túc mạng. Trí có hai thứ: từng được, nay được, thượng trung, hạ nói ba địa, kiến lập nói bốn, hạ trung thượng từng được, nay được nói sáu địa, từng được, nay được, nói tám. Từ hạ hạ đến thượng thượng, nói chín địa. Và chia ra hạ, trung, thượng nói mười hai. Hạ hạ v.v... từng được nay được, nói mười tám địa. Hạ trung, thượng từng được, nay được, nói hai mươi bốn địa, hạ hạ... phân biệt nói ba mươi sáu địa, hạ hạ v.v... từng được, nay được, nói bảy mươi hai. Đây là nói chung một túc mạng trí.

Nói thiền: Là thiền căn bản, chẳng phải quyến thuộc, chẳng phải Vô Sắc không có thần thông nương vào Tam-ma-đề, bốn chi, năm chi thuộc về Tam-ma-đề chỗ thần thông nương tựa.

Chỉ có thiền, không có thứ khác: Nếu dựa vào thiền kia được túc mạng thông thì biết ngay thiền kia và địa dưới. Nếu dựa vào Sơ thiền được thần thông thì biết Sơ thiền và trung gian là đồng một địa. Có phiền não: Như trước nói là đẳng trí, cho nên không có sự vô lậu, là pháp niệm xứ. Ngoài ra thì như trước đã nói, nghĩa là như thuyết trí lực của đường nói.

Lực thứ chín phải biết
Xa lìa nơi đã duyên
Chết đi và thọ sinh
Hành nơi số chúng sinh.

Lực thứ chín phải biết, xa lìa nơi đã duyên: Nghĩa là trí lực sinh tử

trừ duyên, ngoài ra như thuyết lực trí túc mạng nói, Thanh văn không phương tiện, thấy một ngàn thế giới, có phương tiện là thấy hai ngàn thế giới. Duyên giác không phương tiện thấy hai ngàn thế giới, phương tiện thấy ba ngàn thế giới. Phật không phương tiện thấy ba ngàn thế giới, phương tiện thấy vô lượng, vô biên ức trăm ngàn ba ngàn thế giới.

Hỏi: Duyên gì?

Đáp: Chết đi và thọ sinh, hành nơi số chúng sinh. Người kia duyên sắc nhập, như sở thuyết tùy theo nghiệp, thọ pháp như thật trí, phải biết thuyết đó là nói quyến thuộc, trí sinh tử, đây là nội pháp.

Lực thứ mười, mười trí
Hoặc sáu, tất cả địa
Thị hiện lực minh thông
Còn lại như trước nói.

Lực thứ mười, mười trí, hoặc sáu: Nếu nói sở đắc của người lậu tận, là trí lậu tận, thì thuyết kia nói mười trí tánh, nếu vì duyên lậu tận mà được trí lậu tận thì thuyết kia sẽ nói sáu trí, trừ trí tha tâm, khổ, tập, đạo trí.

Tất cả địa: Nghĩa là trí lậu tận ở mười một địa, vì nhiếp thọ sinh. Thị hiện lực minh thông: Nghĩa là trí lậu tận kia gọi là thị hiện, nghĩa là thị hiện răn dạy khiến người kia hoan hỷ. Vì không lay động nên nói là Lực. Vì lìa hẳn vô minh, nên nói là minh. Vì đi suốt qua chủng tánh nên nói là Thông. Lực túc mạng trí, lực sinh tử trí là nói lực thông minh, chẳng phải thị hiện.

Hỏi: Lực này phi học phi vô học? Vì sao Khế kinh nói ba minh hoàn toàn vô học?

Đáp: Vì đắc trong thân vô học, vì dẫn đến đệ nhất nghĩa minh.

Hỏi: Vì sao sáu thông, ba thông kiến lập minh, không phải thông khác?

Đáp: Vì đối trị ba thứ ngu: Minh thứ nhất diệt ngu về bờ mé trước. Minh thứ hai diệt ngu về bờ mé sau. Minh thứ ba diệt ngu nơi chân đế.

Vì dẫn đến ba môn giải thoát, nên hai thông trong sáu thông là thị hiện, chứ không phải minh, nghĩa là hai thần túc, trí tha tâm là hai minh, chứ không phải thị hiện, đó là trí túc mạng và trí sinh tử, lậu tận thông đều có, thiên nhĩ thông đều không có.

Còn lại như trước nói: Nghĩa là là nhân duyên như trước nói, đã nói về lực, nay sẽ nói về vô úy.

Đầu thì như lực đầu
Thứ hai, như thứ mười

Hai khác như hai, bảy
Gọi là vô úy an.

Đầu thì như lực đầu: Nghĩa là nói vô úy ban đầu này của đấng Chánh giác của chúng ta, tức là lực xứ, phi xứ.

Thứ hai như thứ mười, nghĩa là nói các lậu ta đã hết, đây là lực lậu tận. Hai khác, như hai bảy gọi là vô úy an: Nghĩa là nói ta vì các đệ tử nói pháp chướng đạo. Nói pháp không chướng đạo, nghĩa là không có nỗi sợ này. Đây là trí lực của tự nghiệp. Nói ta vì các đệ tử nói đạo là đạo xuất ly của Hiền Thánh. Nói không xuất ly, nghĩa là không có nỗi sợ này. Phải biết đây là lực hướng về.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói Khế kinh này?

Đáp: Vì chế ngự sự bài báng của Thiện Tinh và Bà-la-bà nên nói Khế kinh này.

Thiện tinh nói Sa-môn Cù-đàm không có pháp hơn người. Vì chế ngự việc đó nên Phật nói hai vô úy trước. Ba-la-bà nói pháp của Sa-môn họ Thích ta đều thấy biết. Vì chế ngự điều đó, nên nói hai vô úy sau. Lại nữa, hai vô úy trước là nói tự an, hai vô úy sau là nói an cho người khác. Nghĩa không khuất phục là nghĩa vô úy, vì lìa sợ hãi.

Hỏi: Lực và vô úy có khác gì nhau không?

Đáp: Có thuyết nói không khác nhau. Lại nói trí là lực, trí sáng chiếu khắp là vô úy, an trụ là lực. Dũng mãnh là vô úy, trí vô tận là lực, biện vô tận là vô úy, như thế v.v...

Lại nữa, mỗi lực gồm thâu bốn vô úy, mỗi vô úy gồm thâu mười lực. Mười bốn pháp này lại chia làm ba: bất cộng, niệm xứ và đại bi, là mười tám pháp bất cộng của Phật. Vì không chung với tất cả Thanh văn, Duyên giác nên gọi bất cộng. Niệm xứ và đại bi là tánh của tuệ.

Hỏi: Địa nào vô tránh? Thế nào là hành? Xứ nào hiện ở trước? Duyên gì? Những người nào khởi? Các tự tánh nào?

Đáp:

Đệ Tứ thiền hữu cấu
Vô tránh ba phương nương
Duyên dục, chưa sinh não
Nương trí tuệ bất động.

Đệ Tứ thiền nghĩa là vô tránh ở thiền thứ tư, không phải thiền khác, vì cảnh giới rộng khắp, vì đối với tất cả nương là tối thắng, vì là hữu cấu, lìa hạnh Thánh. Vô tránh nghĩa là trái với phiền não, ba phương nương nghĩa là ba phương hiện ở trước, không phải phương khác. Vì nói do lực khởi lên. Duyên dục chưa sinh não, nghĩa là duyên phiền não vị

lai của cõi Dục, đó là tự tướng phiền não tham, sân, si, mạn, không phải tướng chung, tướng chung là cảnh giới rộng khắp, cho nên được bốn niệm xứ tương ưng với xả căn.

Nương vào bất động: Nghĩa là do thân lìa phiền não mà được, vì sức của tam-muội, chỉ có pháp bất động, nghĩa là chỗ có thể dấy khởi, chứ không phải chi khác.

Trí tuệ là tự tánh trí tuệ. A-la-hán kia vì không hành năm nhân duyên nên có thể khiến họ không khởi phiền não. Đó là chánh oai nghi và chánh thuyết phân biệt nên thọ không nên thọ, quán sát trú xứ và quán sát con người.

Chánh oai nghi: Nghĩa là thân ngồi thẳng ở một chỗ. Nếu có người đến liền quán tâm họ. Quán sát tâm người kia, có những oai nghi nào khiến không khởi kiết. Nếu ở oai nghi này khiến người ấy không khởi kiết, thì liền trụ vào oai nghi ấy. Chánh thuyết là, nếu có người đến liền quán sát tâm họ, hoặc nói chung mà người ấy khởi kiết thì không nên nói. Nếu không nói chung mà người ấy khởi kiết thì nên nói.

Phân biệt nên thọ, không nên thọ, nghĩa là người khác thí cho các vật, liền quán sát: Nếu thọ của ấy mà người kia khởi kiết thì dù cần cũng không thọ, không thọ mà người ấy khởi kiết dù không cần cũng thọ.

Quán sát trú xứ, nghĩa là nếu ở chỗ này mà làm cho người khởi kiết thì cho dù đầy đủ các dụng cụ vẫn bỏ đi. Quán sát con người nghĩa là trước hết quán sát con người, rồi sau mới đi vào thôn. Hoặc nhà, hoặc ngõ hẻm có kẻ khởi kiết thì không vào, làm sao lại tạo ra duyên ác đối với họ. Vì muốn dẫn dắt họ nên nghĩ rằng "xưa lúc thân tôi phiền não, họ khởi phiền não với tôi nên thọ quả bất ái, huống chi nay lìa dục, tôi sẽ tạo ra phương tiện sao cho họ đối với tôi không khởi phiền não. Đức Phật và các Thanh văn Ba-la-mật v.v... đã được vô tránh viên mãn mà không thường nhập (vì khiến chúng sinh nhân não được độ, nên có lúc không nhập tam-muội Vô Tránh).

Cái gọi nguyện trí mầu
Xa lìa cảnh giới kia
Sau cùng được trí ấy
Tánh tự tại sáu trí.

Cái gọi nguyện trí mầu xa lìa cảnh giới kia: Nghĩa là nguyện trí mầu nhiệm cũng ở đệ Tứ thiền là hữu lậu nương. Ba phương bất động là được tánh trí tuệ duyên tất cả pháp vì cảnh giới rộng khắp.

Vô Sắc nương nghĩa là quán hành khác nhau như người làm ruộng,

cho nên nói bốn niệm xứ, như vì nguyện trí mà biết nên nói. Nguyện trí muốn biết là nghĩa đó. Sau cùng đắc trí kia: Nghĩa là nếu khi khởi trí kia, thì tâm thiện cõi Dục theo thứ lớp, Sơ thiền hiện ở trước. Thứ lớp như thế, cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Nghịch với sự thứ lớp như thế thứ lớp cho đến tâm thiện cõi Dục. Lại thuận theo thứ lớp cho đến đệ Tứ thiền hiện tiền. Về sau lại đối với đệ Tứ thiền từ hạ đến trung, từ trung đến tăng. Đệ Tứ thiền đối với tăng thượng kia, về sau khởi nguyện trí.

Tánh tự tại sáu trí: Nghĩa là tự tánh sáu thứ trí này, đó là ba trí vô ngại, trừ từ vô ngại. Lại nữa, sau trí vô tránh là trí biên và trí diệu nguyện. Trí này khởi vì ba nhân duyên:

1. Vì dẫn dắt người khác.
2. Vì gồm thâu giáo pháp.
3. Vì giác thế gian, an không an.

Nghĩa biện lậu, vô lậu
Đối với tất cả địa
Phật nói là phương tiện
Còn lại như trước nói.

Nghĩa biện lậu vô lậu: Nghĩa là mười trí tánh của biện tài này dùng đệ nhất nghĩa của tất cả pháp. Có thuyết nói sáu trí tánh, trừ trí tha tâm, khổ, tập, đạo, trí, dùng tối đệ nhất nghĩa của diệt đế, cho nên nói là duyên hành niệm xứ tam-muội. Đối với tất cả địa, nghĩa là biện này ở mười một địa, vì tự tánh đắc. Phật nói là phương tiện: Nghĩa biên là dùng lời Phật nói làm phương tiện, nếu trước không có Phật nói thì đã không có người có thể khởi, vì không biết nghĩa. Còn lại như trước nói: Nghĩa là pháp khác chưa nói, như nguyện trí nói.

Cái gọi là ứng biện
Đạo cảnh giới và thuyết
Phương tiện nhân minh luận
Hoặc ba, khác như trước.

Cái gọi là ứng biện, đạo cảnh giới và thuyết: Nghĩa là ứng biện duyên đạo và ngôn thuyết, vì thế nên tự tánh của chín trí, trừ diệt trí có mười hai hành. Phương tiện nhân minh luận, nghĩa là biện này nếu không dùng nhân minh luận làm phương tiện thì không thể khởi, vì không biết có ứng hay không ứng, cho nên nói A-tỳ-đàm làm phương tiện. Sở dĩ nhân minh luận không như A-tỳ-đàm là vì trí đầy đủ.

Hoặc ba, nghĩa là ba trí tánh của biện này: Biện, và nguyện trí, và tối hậu trí, có thuyết nói là biết nghĩa đệ nhất của tất cả pháp. Đệ nhất

nghĩa kia cũng là nghĩa biện.

Ngoài ra như trước nghĩa là pháp khác chưa nói đến, như nghĩa biện nói.

Pháp biện duyên lập bày
Ở đủ trong năm địa
Dùng số làm phương tiện
Khác như vô tránh nói.

Pháp biện duyên lập bày: nghĩa là pháp biện duyên, gọi là giới hạn. Ở đủ trong năm địa, nghĩa là cõi Dục và bốn thiền, không phải địa trên, vì cõi Vô Sắc không duyên danh và địa dưới, vì không có phần. Dùng số làm phương tiện nghĩa là pháp biện dùng số luận làm phương tiện. Còn lại như vô tránh nói: nghĩa là pháp còn lại chưa nói đến, như vô tránh ở trước nói.

Phương tiện thanh minh luận
Đây chính là từ biện
Cảnh giới nơi ngôn thuyết
Hai địa khác như trước.

Phương tiện thanh minh luận, đây chính là từ biện: nghĩa là từ biện dùng thanh minh luận làm phương tiện. Nếu trước không huân tập thanh minh luận thì không thể khởi vì xa lìa hạt giống.

Cảnh giới nơi ngôn thuyết: nghĩa là vì biện này duyên ngôn thuyết, cho nên là thân niệm xứ. Hai địa nghĩa là cõi Dục và Sơ thiền, chẳng phải địa trên, vì lìa giác quán. Còn lại như trước nói: nghĩa là ngoài ra như pháp biện nói.

Hỏi: Biện là sao? Như nói sinh hay khác?

Đáp: Có thuyết nói: Như nói sinh, nghĩa là trước đối với pháp khởi, gọi là phương tiện khéo, vì biết danh, chưa biết nghĩa nên phải theo thứ lớp để khởi nghĩa biện. Vì tuy biết nghĩa nhưng không biết từ, nên theo thứ lớp khởi từ biện. Biết từ biện rồi, vì không thể nói một cách trôi chảy, nên theo thứ lớp ứng biện.

Lại nói trước khởi nghĩa biện, vì biết nghĩa không biết danh, nên kế là khởi pháp biện. Vì biết danh không biết từ nên kế là khởi từ biện. Biết từ, không thể nói lưu loát liên tục, nên kế là khởi ứng biện. Ứng biện như trước nói.

Lại nói danh tùy thuyết chuyển, cho nên trước khởi từ biện, sau khởi pháp biện. Nghĩa dựa vào danh chuyển, nên kế là khởi nghĩa biện. Ba biện này dẫn dắt ứng biện.

Hỏi: Biện này thế nào? Là mỗi mỗi biện được chăng?

Đáp: Không như thế. Vì nếu được một thì đủ bốn, như bốn Thánh chủng được cùng lúc, đây cũng như thế.

✷✷✷✷✷